

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 10/2018/KDTM-GĐT
Ngày 10/8/2018
V/v tranh chấp về phần vốn của
thành viên Công ty với Công ty

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Quang

Các Thẩm phán: - Ông Bùi Ngọc Hòa;
- Ông Đặng Xuân Đào;
- Ông Nguyễn Văn Tiên;
- Bà Nguyễn Thị Hoàng Anh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thu Hải Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Phương Hữu Oanh - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh, thương mại về “Tranh chấp về phần vốn của thành viên Công ty với Công ty” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng Công ty M;

Địa chỉ: số 234 đường N, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung H – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn Đ (Văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 9 năm 2015).

2. Bị đơn: Công ty cổ phần Thủy điện Đ;

Địa chỉ: 117 L, phường Đ, thành phố P, tỉnh G.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình T - Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2015 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là Tổng Công ty M đại diện là ông Nguyễn Trung H và đại theo ủy quyền là ông Võ Văn Đ trình bày:

Năm 2005, Công ty xây dựng A thuộc Tổng Công ty Xây dựng MT(COSEVCO) thực hiện cổ phần hóa chuyển từ Công ty thuộc Tổng Công ty Nhà nước thành Công ty cổ phần Thủy điện Đ (tên viết tắt là COSEVCO-N⁰2), theo Quyết định số 1702/QĐ-BXD ngày 09/9/2005 của Bộ xây dựng về giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa; Quyết định số 1793/QĐ-BXD ngày 16/9/2005 về việc Phê duyệt phương án cổ phần hóa; Quyết định số 2320/QĐ-BXD ngày 15/12/2005 về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa, xác định giá trị vốn Nhà nước của Tổng Công ty M tại thời điểm 00 giờ ngày 01/01/2006 là 6.143.096.015 đồng, trong đó có giá trị quyền sử dụng thương hiệu Cosevco là 2 tỷ đồng theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 10/7/2005 của Công ty xây dựng A; Quyết định số 969/QĐ-BXD ngày 04/7/2007 về giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty xây dựng A sang Công ty cổ phần Thủy điện Đ.

Ngày 06/01/2006, Công ty cổ phần Thủy điện Đ được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh G cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã có phần vốn góp giá trị 2 tỷ đồng thương hiệu Cosevco của Nhà nước là Tổng Công ty M. Công ty cổ phần Thủy điện Đ hoạt động từ năm 2006 đến nay, trong đó có phần vốn góp của Nhà nước là giá trị thương hiệu 2 tỷ đồng, nhưng đến ngày 31/3/2015, Công ty cổ phần Thủy điện Đ có công văn số 01/CV-DHPC-HĐQT loại trừ 2 tỷ đồng của Tổng Công ty M và yêu cầu Tổng Công ty M phải góp vốn bằng tiền 2 tỷ đồng bù vào giá trị thương hiệu nếu không sẽ chào bán cổ phần tương đương với số tiền 2 tỷ đồng cho các cổ đông khác mua lại.

Tại Công văn số 7230/BTC-TCDN ngày 02/6/2015 của Bộ Tài chính và Công văn số 1541/BXD-KHTC ngày 15/7/2015 của Bộ Xây dựng về việc xác định giá trị thương hiệu phần vốn Nhà nước góp vào doanh nghiệp khi cổ phần hóa đã xác định: *không có cơ sở để loại trừ giá trị thương hiệu của Tổng Công ty MT ra khỏi phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Thủy điện Đ.*

Ngày 23/7/2015, Tổng Công ty MT có Công văn số 878 CV/TCT-QLĐT trả lời Công ty cổ phần Thủy điện Đ về việc loại trừ giá trị thương hiệu Cosevco ra khỏi vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Đ là trái với quy định của Bộ Xây dựng. Vì vậy, Nghị quyết ngày 26/6/2015 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy điện Đ là trái với quy định của pháp luật. Tại buổi hòa giải ngày 15/12/2015, đại diện nguyên đơn xin bổ sung nội dung: Yêu cầu hủy bỏ Điều 7, Điều 10 của Nghị quyết 01 ngày 26/6/2015 của Đại Hội đồng cổ đông năm 2015 vì không có cơ sở.

Trên cơ sở của Công văn số 9936/BTC-TCDN ngày 21/7/2015 của Bộ Tài chính trả lời về việc thoái vốn liên quan đến giá trị thương hiệu của các doanh nghiệp cổ phần hóa thì đề nghị Tòa án buộc Công ty cổ phần Thủy điện Đ công

nhận phần vốn góp giá trị thương hiệu là 2 tỷ đồng của Tổng Công ty M. Giá trị thương hiệu 2 tỷ đồng từ trước vẫn được hoạch toán hàng năm cho đến khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết để loại trừ giá trị thương hiệu 2 tỷ đồng này. Nguyên đơn thừa nhận tỷ lệ vốn góp đối với Công ty cổ phần Thủy điện Đ như tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm kết thúc vào ngày 31/12/2014 và báo cáo này đã được Công ty cổ phần Thủy điện Đ gửi cho Tổng Công ty M. Nguyên đơn không đồng ý với bị đơn cho rằng do Cục Thuế yêu cầu loại trừ giá trị thương hiệu là 2 tỷ đồng của Tổng Công ty MT đã góp vốn trước đây.

Bị đơn là Công ty cổ phần Thủy điện Đ, đại diện là ông Nguyễn Đình T trình bày:

Từ khi cổ phần hóa về phần vốn góp của Tổng Công ty MT có giá trị thương hiệu là 2 tỷ đồng. Tuy nhiên, do Văn bản 3539/TCT-PCCS ngày 20/9/2006 của Tổng Cục Thuế hướng dẫn đã nêu rõ các Công ty không được góp vốn thành lập Công ty cổ phần bằng giá trị quyền sử dụng thương hiệu là không đúng quy định của Nhà nước. Từ đó, Đại hội cổ đông biểu quyết thông qua đạt tỷ lệ hơn 80% loại trừ giá trị thương hiệu COSEVCO 2 tỷ đồng của Tổng Công ty MT ra. Việc loại trừ nguồn vốn này là do “Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa” số 17/HĐCGQSDNH ngày 16/5/2005 ký kết giữa Tổng Công ty MT và Công ty xây dựng A đã hết hiệu lực, đến nay Công ty không sử dụng thương hiệu COSEVCO nữa và Nghị quyết Đại hội cổ đông đúng luật, không thể bác bỏ.

Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2016/KDTM-ST ngày 09/3/2016, Tòa án nhân dân tỉnh G quyết định:

Không chấp nhận đơn khởi kiện của Tổng Công ty M yêu cầu “Hủy bỏ Điều 7 và 10 Nghị quyết số 01/NQ-HĐPC-ĐHĐCD ngày 26/6/2015 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy điện Đ.

Ngày 21/3/2016, nguyên đơn là Tổng Công ty M có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút một phần kháng cáo về yêu cầu hủy bỏ Điều 7, Điều 10 của Nghị quyết 01 ngày 26/6/2015 của Đại hội đồng cổ đông năm 2015.

Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 22/2016/KDTM-PT ngày 06/7/2016, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:

1/ Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần yêu cầu kháng cáo của Tổng Công ty M về việc hủy bỏ Điều 7 và Điều 10 Nghị quyết số 01/NQ-HĐPC-ĐHĐCD ngày 26/6/2015 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy điện Đăkrosa.

2/ Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu công nhận phần vốn góp bằng giá trị thương hiệu là 2.000.000.000 đồng trong cổ phần vốn của Công ty cổ phần Thủy điện Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty M yêu cầu “Hủy bỏ Điều 7 và Điều 10 Nghị quyết số 01/NQ-HĐPC-DHĐCĐ ngày 26/6/2015 của Đại hội cổ đông Công ty cổ phần Thủy điện Đ”.

Ngày 30/8/2016, Tổng Công ty M có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 22/2016/KDTM-PT ngày 06/7/2016 nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị số 09/2018/KN-KDTM ngày 01 tháng 6 năm 2018, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị đối với Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 22/2016/KDTM-PT ngày 06/7/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm nêu trên, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thực hiện cổ phần hóa chuyên doanh nghiệp Nhà nước Công ty xây dựng A thành Công ty cổ phần Thủy điện Đ (tên viết tắt là COSEVCO-N⁰2), tại Quyết định số 969/QĐ-BXD ngày 04/7/2007 của Bộ Xây dựng xác định giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm 00 giờ ngày 01/01/2006 bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần là 6.143.096.015 đồng, trong đó có giá trị quyền sử dụng thương hiệu COSEVCO 2 tỷ đồng là tài sản cố định vô hình (Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 10/7/2005 của Công ty xây dựng A).

[2] Ngày 16/5/2005, Tổng Công ty Xây dựng MT(Bên A) và Công ty xây dựng A (Bên B) ký “Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa” số 17/HĐCGQSDNH, với nội dung: Bên A đồng ý cho Bên B được quyền sử dụng tên thương hiệu COSEVCO của Bên A để gắn vào sản phẩm của Bên B với thời gian sử dụng 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng, giá chuyển giao quyền sử dụng thương hiệu là 2 tỷ đồng, sau thời hạn nêu trên hai bên tiến hành thỏa thuận lại. Hai bên thỏa thuận chuyển giá trị quyền sử dụng thương hiệu 2 tỷ đồng vào phần vốn góp cổ phần trong Công ty cổ phần mà tiền thân là Công ty xây dựng A (sau này là Công ty cổ phần Thủy điện Đ). Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa số 17/HĐCGQSDNH nêu trên phù hợp với quy định tại Điều 796 Bộ luật dân sự năm 1995 và Điều 35 Nghị định số 63-CP ngày 24/10/1996 của Chính phủ quy định: chủ sở hữu các đối tượng sở hữu công nghiệp có quyền chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa cho cá nhân hoặc pháp nhân; nội dung các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với Điều 822 Bộ luật dân sự năm 1995 nên Hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

[3] Công ty cổ phần Thủy điện Đ cho rằng: tại Công văn số 3539/TCT

-PCCS ngày 20/9/2006 của Tổng Cục Thuế hướng dẫn “các Công ty không được góp vốn lập Công ty Cổ phần bằng giá trị quyền sử dụng thương hiệu” nên Công ty cổ phần Thủy điện Đ loại trừ giá trị quyền sử dụng thương hiệu COSEVCO 2 tỷ đồng ra khỏi vốn điều lệ của Công ty là không có căn cứ pháp luật.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, trả lời về việc “xác định giá trị thương hiệu phần vốn Nhà nước góp vốn vào Doanh nghiệp để cổ phần hóa”, tại Công văn số 7230/BTC-TCND ngày 02/6/2015 của Bộ Tài chính và Công văn số 1541/BXD-KHTC ngày 15/7/2015 của Bộ Xây dựng đã xác định: *Giá trị quyền sử dụng thương hiệu đã được tính trong giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa và đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua. Vì vậy, giá trị quyền sử dụng thương hiệu được xác định là phần vốn góp của Tổng Công ty MT vào vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Đ. Do đó, không có cơ sở loại trừ phần vốn nêu trên ra khỏi phần vốn của đơn vị.*

[5] Công ty cổ phần Thủy điện Đ thừa nhận từ khi cổ phần hóa đến nay vẫn có phần vốn góp 2 tỷ đồng bằng giá trị quyền sử dụng thương hiệu COSEVCO của Tổng Công ty M và trong vốn điều lệ của Công ty Thủy điện Đ tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 8 ngày 04/7/2013 vẫn có vốn góp của nguyên đơn bằng giá trị quyền sử dụng thương hiệu 2 tỷ đồng.

[6] Như vậy, có đủ cơ sở xác định giá trị quyền sử dụng thương hiệu COSEVCO 2 tỷ đồng là phần vốn góp hợp pháp của Tổng Công ty M vào vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Đ. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là không đúng, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn.

[7] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng các quy định của pháp luật có hiệu lực sau ngày 16/5/2005 là ngày ký Hợp đồng số 17/HĐCGQSDNH để giải quyết vụ án là có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật.

[8] Tòa án cấp phúc thẩm không phát hiện ra sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm để sửa Bản án sơ thẩm cho phù hợp theo quy định tại Điều 276 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2011 mà giữ nguyên Bản án sơ thẩm là không đúng. Do đó, Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chỉ cần hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm và giao hồ sơ về cho Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại là có cơ sở.

[9] Khi giải quyết lại vụ án thì Tòa án cấp phúc thẩm cần áp dụng các quy định của pháp luật tại thời điểm giao kết Hợp đồng để xem xét giải quyết vụ án và sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần Thủy điện Đ công nhận phần vốn góp giá trị quyền sử dụng thương hiệu là 2 tỷ đồng của Tổng Công ty M trong vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343 và Điều 345 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 09/2018/KN-KDTM ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 22/2016/KDTM-PT ngày 06/7/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 22/2016/KDTM-PT ngày 06/7/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về vụ án “Tranh chấp về phần vốn của thành viên Công ty với Công ty” giữa nguyên đơn là Tổng Công ty M với bị đơn là Công ty cổ phần Thủy điện Đ.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- VKSNDTC (Vụ 10 để báo cáo Viện trưởng);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng
(kèm theo hồ sơ vụ án);
- TAND tỉnh G;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh G;
- Các đương sự theo địa chỉ;
- Lưu: VP, Vụ Pháp chế và QLKH, Vụ GDKT II
(2 bản), Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Quang
(đã ký)